

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 26-4- 2022

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan.

Các Thẩm phán: + Bà Hoàng Thị Thơ;

+ Bà Lưu Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2022/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp “Xin ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 65/2021/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ngọc A, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu phố A, phường D, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Trần Ngọc C, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Khu phố A, phường D, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1949 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Phạm Thị Ngọc A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo án sơ thẩm nguyên đơn Phạm Thị Ngọc A trình bày:***

Chị với anh Trần Ngọc Châu tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 2001 đến năm 2004 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Thành, huyện Tân Thành, tỉnh Long An. Đầu năm 2020 đến nay vợ chồng phát

sinh nhiều xung đột, hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly thân với nhau từ thời gian đó cho đến nay. Nhận thấy đời sống hôn nhân không thể kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị được ly hôn với anh Trần Ngọc C.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc Anh D, sinh ngày 12/12/2004 và Trần Ngọc Ánh D sinh ngày 07/9/2011, hiện đang sống với anh C. Ly hôn nếu con theo ai thì người đó nuôi.

- Về tài sản chung: Quyền sử dụng đối với thửa đất 209, tờ bản đồ 19, diện tích 428,1m² tại Ấp M, xã M, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 464111 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 17/6/2019 cho anh Trần Ngọc C, trên đất có một căn nhà có kết cấu nền gạch men, cột bê tông cốt thép, vách tường, mái lợp lá, diện tích 10,7 x 4 = 42,8m² và mái che có kết cấu nền xi măng, cột bê tông cốt thép, mái lợp lá, diện tích 14,5 x 4 = 58 m², ngoài ra còn có một số cây trồng trên đất nếu Tòa chia đất cho ai thì cây trồng trên đất thuộc quyền sở hữu của người đó. Hiện các tài sản này anh C đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Ly hôn chị yêu cầu chia đôi, nhận bằng hiện vật và hoàn 1/2 giá trị cho anh C.

- Về nợ chung: Trước đây chị có yêu cầu chia đôi số nợ hai vợ chồng nợ bà Nguyễn Thị N là mẹ ruột của chị. Nay chị không yêu cầu Tòa án giải quyết để vợ chồng tự thỏa thuận.

Bị đơn anh Trần Ngọc C trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của Chị Phạm Thị Ngọc A về quan hệ hôn nhân, thời gian mâu thuẫn, ly thân, con chung. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của chị A anh có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị A.

- Về con chung: Do hai con chung tên Trần Ngọc Anh D, sinh ngày 12/12/2004 và Trần Ngọc Ánh D sinh ngày 07/9/2011 hiện đang do anh nuôi dưỡng nên khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Thống nhất có số tài sản chung là nhà, đất, mái che và một số cây trồng trên đất như chị A trình bày, nếu Tòa chia đất cho ai thì cây trồng trên đất thuộc quyền sở hữu của người đó. Ly hôn anh đồng ý chia đôi nhưng do số tài sản này hiện anh đang trực tiếp quản lý sử dụng nên anh yêu cầu được nhận bằng hiện vật, đồng ý hoàn ½ giá trị cho chị A.

- Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà là mẹ ruột của Chị Phạm Thị Ngọc A và là mẹ vợ của anh Trần Ngọc C. Vợ chồng chị A, anh C có nợ bà số hui là 09 chỉ vàng 24k. Do vợ chồng chị A, anh C đồng ý mỗi người trả cho bà 4,5 chỉ vàng 24k nên trong vụ kiện này bà không có yêu cầu gì. Nếu sau này chị A anh C không trả bà sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác,

* Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 65/2021/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 59, Điều 64, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Phạm Thị Ngọc A với anh Trần Ngọc C.

2. Về con: Giao các con chung tên Trần Ngọc Ánh Dên, sinh ngày 12/12/2004 và Trần Ngọc Ánh D sinh ngày 07/9/2011 cho anh Trần Ngọc C chăm sóc nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị Ngọc A có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung:

3.1 Chia đôi tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 209, tờ bản đồ 19, diện tích 428,1m² tại Ấp M, xã M, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang do anh Trần Ngọc C đứng tên.

3.2. Buộc anh Trần Ngọc C có trách nhiệm chia cho Chị Phạm Thị Ngọc A 1/2 giá trị tài sản chung bằng tiền là 310.550.000 đồng, thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Trần Ngọc C được quyền sở hữu thửa đất số 209, tờ bản đồ 19, diện tích 428,1m² tại Ấp M, xã M, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang do anh Trần Ngọc C đứng tên và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất hiện đang quản lý sử dụng ngay sau khi đã thanh toán đủ số tiền cho Chị Phạm Thị Ngọc A.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phân án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

* Ngày 13/12/2021, nguyên đơn Phạm Thị Ngọc A có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu: chia cho chị phần có diện tích 210m² (tính từ ranh đất giáp thửa đất 217 đến phần đất nên nhà) thuộc thửa đất số 209, tờ bản đồ 19, diện tích 428,1m² tại Ấp M, xã M, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Buộc anh Trần Ngọc C hoàn lại giá trị tài sản chênh lệch cho chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, yêu cầu nhận bằng giá trị các tài sản chung của vợ chồng và anh C, chị A thỏa thuận lấy giá đất của cấp sơ thẩm đã xử là $1.000.000\text{đ}/\text{m}^2$ cộng với giá của chứng thư thẩm định giá là $1.432.000\text{đ}/\text{m}^2$ chia đôi = $1.216.000\text{đ}/\text{m}^2$ để chia, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện, yêu cầu kháng cáo của Chị Phạm Thị Ngọc A, nghe các đương sự trình bày trước tòa. Qua tranh luận và nghe đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: nguyên đơn Chị Phạm Thị Ngọc A khởi kiện bị đơn anh Trần Ngọc C yêu cầu được ly hôn. Án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Xin ly hôn” theo quy định tại các Điều 56, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn Chị Phạm Thị Ngọc A khởi kiện bị đơn anh Trần Ngọc C là đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đơn kháng cáo của Chị Phạm Thị Ngọc A đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[4] Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm chị A xác định chị A kháng cáo yêu cầu chia giá trị tài sản chung của vợ chồng. Xét yêu cầu kháng cáo của chị A xét thấy: Chị A với anh Trần Ngọc C tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 2001 đến năm 2004 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Thạnh, huyện Tân Thành, tỉnh Long An, quá trình chung sống Chị anh và anh C thừa nhận có các tài sản là quyền sử dụng đối với thửa đất 209, tờ bản đồ 19, diện tích $428,1\text{m}^2$ tại Ấp M, xã M, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 464111 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 17/6/2019 cho anh Trần Ngọc C, trên đất có một căn nhà có kết cấu nền gạch men, cột bê tông cốt thép, vách tường, mái lợp lá, diện tích $10,7 \times 4 = 42,8\text{m}^2$ (giá trị theo thỏa thuận 168.000.000 đồng) và mái che có kết cấu nền xi măng, cột bê tông cốt thép, mái lợp lá, diện tích $14,5 \times 4 = 58\text{m}^2$ (giá trị theo thỏa thuận là 25.000.000), ngoài ra còn có một số cây trồng trên đất các đương sự không tranh chấp, nếu Tòa chia đất cho ai thì cây trồng trên đất thuộc quyền sở hữu của người đó.

Đối với thửa đất 209, tờ bản đồ 19, diện tích 428,1m² tại Ấp M, xã M, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 464111 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 17/6/2019 cho anh Trần Ngọc C, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, chị A yêu cầu định giá lại, theo chứng thư thẩm định giá ngày 16/4/2022 của công ty cổ phần thẩm định Sài Gòn thì đơn giá đất là 1.432.000 đồng/m², như vậy giá trị phần đất theo định giá là 613.039.000 đồng. Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định chấp nhận giá trị đất theo chứng thư thẩm định giá, sửa án sơ thẩm.

Giá trị tài sản của chị A và anh C được tính như sau: 168.000.000 đồng + 25.000.000 đồng + 613.039.000 đồng = 806.039.000 đồng. Mỗi người được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 403.019.000 đồng.

Xét việc chị A và anh C thỏa thuận chia tài sản chung và chị A nhận bằng giá trị trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm.

[5] Các phần khác của án sơ thẩm không kháng cáo kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Chị A và anh C chịu án phí theo quy định pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 59, Điều 64, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Phạm Thị Ánh.

Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 65/2021/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Phạm Thị Ngọc A với anh Trần Ngọc C.

2. Về con: Giao các con chung tên Trần Ngọc Ánh Dên, sinh ngày 12/12/2004 và Trần Ngọc Ánh D sinh ngày 07/9/2011 cho anh Trần Ngọc C chăm sóc nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị Ngọc A không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung ghi nhận sự thỏa thuận của chị A và anh C:

3.1 Chia đôi tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 209, tờ bản đồ 19, diện tích 428,1m² và các tài sản trên đất gồm nhà và mái che tại Ấp M, xã M, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang do anh Trần Ngọc C đứng tên.

3.2 Anh Trần Ngọc C có trách nhiệm giao cho Chị Phạm Thị Ngọc A 1/2 giá trị tài sản chung bằng tiền là 356.785.000 đồng (ba trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi lăm ngàn đồng), thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Trần Ngọc C được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 209, tờ bản đồ 19, diện tích 428,1m² và được quyền sở hữu căn nhà có kết cấu nền gạch men, cột bê tông cốt thép, vách tường, mái lợp lá, diện tích 10,7 x 4 = 42,8m² và mái che có kết cấu nền xi măng, cột bê tông cốt thép, mái lợp lá, diện tích 14,5 x 4 = 58 m² và toàn bộ tài sản trên đất tại ấp Mỹ Luân, xã Mỹ Hạnh Trung, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang hiện anh C đang quản lý sử dụng ngay sau khi đã thanh toán đủ số tiền cho chị Phạm Thị Ngọc Anh.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, người chưa thi hành án hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí:

Chị Phạm Thị Ngọc A thỏa thuận phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 17.839.250 đồng, tổng cộng là 18.139.250 đồng. Được trừ vào số tiền 1.225.000 đồng tạm ứng án phí đã tạm nộp theo các biên lai thu Số 0000947 ngày 14/10/2020; 0000954 ngày 15/10/2020 và 0002176 ngày 14/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Chị Phạm Thị Ngọc A còn phải nộp tiếp số tiền 16.914.250 đồng.

Anh Trần Ngọc C phải chịu 17.839.250 đồng. Được trừ vào số tiền 625.000.000 tạm ứng án phí đã tạm nộp theo biên lai thu số 0006984 ngày 19/4/2021. Anh Trần Ngọc C còn phải nộp tiếp số tiền 17.214.250 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. Nơi nhận:

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã Cai Lậy,
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Ngoan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Ngoan – Lưu Thị Thu Thủy

Lâm Ngọc Tuyền

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy,
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Tuyền

